

Số: 148/2025/QĐST - HNGĐ

Bình Chánh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Trần Thị Nga.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1069/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024;

#### XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

#### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Nhà không số (kế nhà D1) ấp a, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Nhà không số (kế nhà D1) ấp a, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị T và ông Huỳnh Thanh B.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Huỳnh Thanh B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2010, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2010 không còn giá trị pháp lý.

3.2 Về con chung: Bà Trương Thị T và ông Huỳnh Thanh B có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Thanh Mai (giới tính nữ), sinh ngày 24/10/2009 và Huỳnh Nhựt Hòa (giới tính nam), sinh ngày 01/9/2014.

Giao hai con chung tên là Huỳnh Thanh M (giới tính nữ), sinh ngày 24/10/2009 và Huỳnh Nhựt H (giới tính nam), sinh ngày 01/9/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Ông Huỳnh Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung mỗi trẻ mỗi tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Bà Trương Thị T và ông Huỳnh Thanh B thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 03 tây hàng tháng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 03/03/2025 cho đến khi cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông B không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.3 Về tài sản chung: Bà Trương Thị T và ông Huỳnh Thanh B khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3.4 Về nợ chung: Bà Trương Thị T và ông Huỳnh Thanh B xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3.5 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051504 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Huỳnh Thanh B phải chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án

phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM (01);
- VKSND H.BC (02);
- Chi cục THADS.HBC (01);
- Các đương sự (02);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (01);
- Lưu hồ sơ (04).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nguyễn Thanh Thảo**